

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HS-ST
Ngày 20-01-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quảng Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Quyên

Bà Nguyễn Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Hữu Hoà, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn L**; Sinh ngày 02/9/2005 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: Bản En, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nông dân; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn thể: Không; Con ông: Lò Văn N (Đã chết) và bà Đặng Thị D, sinh năm 1983, hiện nay đều cư trú tại bản En, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam, giữ từ ngày 28/11/2024 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L: Ông Lương Duy Tuyên - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

- *Bị hại:* Ông Đinh Văn T; Sinh năm 1985; Địa chỉ: Bản En, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị D; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Bản En, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKSBY ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lò Văn L phạm tội “Hủy hoại tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự.

Vào hồi 21 giờ 58 phút ngày 19/10/2024, Hoàng Văn Ngọc gọi điện thoại cho Lò Văn Nghĩa nói “*có bò đang ăn ngô, xuống đuổi đi*”, rồi Nghĩa tắt máy và nói với Lò Văn L “*có con bò đang ăn ở trên nương của nhà mình dậy để đi đuổi*”. Nghe thấy vậy, L ngồi dậy cầm lấy đèn pin ở đầu giường rồi đi xuống bếp lấy 01 con dao nhọn để ở kệ bếp sau đó điều khiển xe máy đi một mình, còn Nghĩa thì chờ bà nội của L là Đinh Thị Bội đi theo sau. Đi được khoảng 02km thì đến nương ngô của gia đình Đặng Thị D (mẹ đẻ của L) ở bản En, xã P. Sau khi dừng xe cạnh đường, L và Nghĩa đi vào trong nương, còn bà Bội đứng dưới đường. Khi lên nương, Nghĩa với L thấy 01 con bò cái lông màu vàng đang ăn ngô trong nương. Thấy vậy thì Nghĩa với L mỗi người một bên cùng đuổi theo con bò, quá trình đuổi thì con bò chạy vào khe nước cạn. Lúc này, L đuổi đến ngay gần con bò, con bò ngóc đầu định trèo lên bờ. L đứng ở phía trên đối diện phía trước con bò, cách đầu con bò khoảng 50 cm, L cầm dao nhọn bằng tay phải chém 01 nhát mạnh từ trên xuống dưới nhằm vào vùng đầu con bò thì trúng vào vị trí đỉnh đầu gốc tai bên phải, con bò bị chém chuẩn bị nhảy, trèo lên. L xoay người sang phải và cầm dao bằng tay phải tiếp tục chém mạnh 01 nhát trúng vào cổ con bò khiến L trượt chân, ngã xuống rãnh nước cạn và con bò cũng rơi xuống rãnh nước cạn, L trượt, ngã xuống trước, con bò rơi xuống sau, trong tư thế nằm nghiêng đầu quay xuống đường. L tiếp tục cầm dao bằng tay phải chém thẳng vào mông con bò 01 nhát, sau đó L ném mạnh con dao mà L vừa dùng chém bò vào bụi cây lay. Lúc này khoảng 22 giờ 11 phút, L sử dụng điện thoại để chụp ảnh lại ảnh con bò mà L vừa chém. Thấy bò chảy nhiều máu và đang giãy chết, L nói với bà Bội là “*cháu chém chết bò rồi*”, bà Bội đến xem thấy vậy thì gọi điện thoại cho Đinh Văn T là bí thư, trưởng bản Bản En, xã P thông báo với Tiến về việc L chém chết bò, để Tiến thông báo cho người dân trong bản biết bò nhà ai đến nhận về. Sau đó, L, Nghĩa và bà Bội đi về nhà. Khoảng 10 phút sau thì nghe thấy vợ chồng Đinh Văn T gọi điện để lên xem bò thì L, Nghĩa và Bội cùng quay lại nương để xem bò. Khi đến nương ngô gia đình D, Tiến dùng đèn pin soi thì thấy con bò do L vừa chém chết nằm dưới khe nước cạn, Tiến xác định con bò này là của nhà mình. Sau khi phát hiện con bò của gia đình bị chết, Đinh Văn T đã gửi đơn tố giác đến Công an xã P và Cơ quan CSĐT Công an huyện B đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vật chứng vụ án:

- 01 con dao nhọn, cả chuôi dài 35.5cm; phần chuôi dao bằng gỗ dài 11.5cm. Tại phần chuôi dao tiếp giáp với lưỡi dao có 01 khuy dao bằng kim loại màu vàng đồng, bản rộng của khuy dao có kích thước dài 2.4cm, phần lưỡi dao dài 24cm, bản rộng lưỡi dao là 3cm, lưỡi dao bị rỉ sét màu nâu đỏ, lưỡi dao rộng đều, từ phần tiếp giáp với chuôi dao và nhỏ dần về mũi dao.

- 01 đèn pin màu đen, loại có dây vải thun đeo đầu, thân đèn dạng hình vuông kích thước 4.5cm, dày 1.5cm, phần đầu dạng hình tròn đường kính 04cm, loại ánh sáng màu trắng.

Ngày 20/10/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện B tiến hành L biên bản cân tịnh 01 con bò bị chết tại nương ngô nhà bà Đặng Thị D, kết quả như sau: 01 con bò cái bị chết, màu lông vàng, cao 1,1 mét; dài 1,7 mét, chu vi vòng bụng 02 mét, chu vi vòng ngực 1,3 mét, sừng dài 11 cm, cân nặng 205 kg, Cơ quan CSĐT Công an huyện B không tiến hành tạm giữ mà bàn giao cho ông Đinh Văn T quản lý và xử lý con bò trên.

Tại Kết luận giám định độc chất số 723/985/24/KLGĐĐC-PYQG ngày 12/11/2024 của Viện Pháp y quốc gia - Bộ Y tế, kết luận: “*Mẫu phủ tạng bò: Không tìm thấy các độc chất*”.

Tại kết luận kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐG ngày 24/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận: Giá trị thiệt hại của 01 con bò cái bị chết là 13.000.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, bị cáo Lò Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn L đủ yếu tố cấu thành tội “*Hủy hoại tài sản*” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn L mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Giao trả cho người liên quan Đặng Thị D, 01 con dao nhọn, cả chuôi dài 35.5cm; phần chuôi dao bằng gỗ dài 11.5cm và 01 đèn pin màu đen, loại có dây vải thun đeo đầu (đã được niêm phong).

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường chênh lệch giá trị thiệt hại 01 con bò cái, cân nặng 205 kg và thiệt hại phát sinh cho ông Đinh Văn T số tiền 10.000.000 đồng. Ông Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho bà Đặng Thị D do con bò của ông Tiến gây thiệt hại về hoa màu với số tiền 45.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Lò Văn L.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Tại Luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Lò Văn L khẳng định bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội Hủy hoại tài sản là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Song đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách khoan hồng của Đảng, pháp luật Nhà nước và một số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì sau khi phạm tội bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có ông nội là Lò Văn Đại là người có công với cách mạng (được Nhà nước tặng Huân huy chương kháng chiến), bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được gia đình và chính quyền địa phương bảo lãnh giáo dục, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn L mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng mức án từ 06 đến 12 tháng án treo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của bị cáo Lò Văn L tự bào chữa: Bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát và luận cứ bào chữa của người bào chữa. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo tuổi đời còn trẻ, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo tự cải tạo bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội.

Người bị hại, ông Đinh Văn T trình bày ý kiến tranh luận: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Bị hại đã nhận đủ số tiền bị cáo và gia đình bồi thường, bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được miễn tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn L thừa nhận: Do bức tức về việc gia súc của người dân trong bản thả rông vào phá hoại hoa màu của gia đình bị cáo, ngày 19/10/2024 tại bản En, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La sau khi nhận được thông tin có bò vào phá hoa màu, Lò Văn L đã mang theo 01 con dao nhọn đi đến nương ngô của gia đình, nhìn thấy 01 con bò lông màu vàng đang ăn ngô trong nương. Do quá bức tức nên L đã dùng dao chém chết con bò. Hậu quả làm 01 con bò của gia đình anh Đình Văn T chết gây thiệt hại về tài sản trị giá 13.000.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại...

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lò Văn L đã thực hiện hành vi Hủy hoại tài sản, tội danh quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự .

Điều 178 Bộ luật hình sự quy định: “1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ hiểu biết để nhận thức được hành vi Hủy hoại tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình làm là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi. Hành vi trên của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại, làm mất giá trị của tài sản (làm 01 con bò chết) có trị giá 13.000.000 đồng, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa phương. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận hành vi trên của bị cáo Lò Văn L đã phạm vào tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ việc xét xử bị cáo là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không oan sai.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có lỗi một phần; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có ông nội là Lò Văn Đại là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng Huân, huy chương kháng chiến và bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật còn nhiều hạn chế; bị cáo

được gia đình và chính quyền địa phương xác nhận đơn xin được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, chính quyền địa phương và gia đình có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tòa án xét thấy việc cách ly bị cáo một thời gian là không cần thiết, mà cần xem xét giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng có thể đảm bảo được điều kiện và thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời nhằm dẫn dắt, giáo dục chung, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5, Điều 178 Bộ luật hình sự quy định “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm*”. Xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị lớn. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường giá trị thiệt hại chênh lệch 01 con bò cái, cân nặng 205 kg và thiệt hại phát sinh cho ông Đinh Văn T số tiền 10.000.000 đồng. Ông Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho bà Đặng Thị D do con bò của ông Tiến gây thiệt hại về hoa màu với số tiền 45.000 đồng. Hai bên đã thực hiện việc giao trả tiền cho nhau. Tòa nhận thấy sự thỏa thuận nêu trên là do các bên hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, phù hợp với pháp luật, cần xem xét ghi nhận.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 con bò đã bị chết, Cơ quan điều tra không thu giữ, đã giao cho bị hại là Đinh Văn T quản lý và xử lý, bị cáo, bị hại không có ý kiến, đề nghị gì nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

Đối với 01 con dao nhọn, cả chuôi dài 35.5cm; phần chuôi dao bằng gỗ dài 11.5cm và 01 đèn pin màu đen, loại có dây vải thun đeo đầu là tài sản chung của gia đình bà Đặng Thị D và ông Lò Văn Ngoan, trong đó có cả bị cáo Lò Văn L hiện nay đang sống chung, phụ thuộc cùng gia đình. Bị cáo dùng con dao và chiếc đèn pin làm công cụ thực hiện tội phạm, bà D, ông Ngoan không biết. Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Đặng Thị D xin lại, Tòa cần xem xét giao trả lại cho người liên quan Đặng Thị D, theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự.

[9] Về án phí: Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025,

thì bị cáo Lò Văn L là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã P, huyện B là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo xin miễn án phí thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 178; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn L phạm Tội: “Hủy hoại tài sản”.

- Xử phạt: Bị cáo Lò Văn L 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (20/01/2025). Không áp dụng phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lò Văn L nếu bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

- Giao bị cáo Lò Văn L cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự: Ghi nhận bị cáo và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường giá trị thiệt hại chênh lệch 01 con bò cái màu lông vàng, cân nặng 205 kg và thiệt hại phát sinh cho bị hại ông Đinh Văn T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), (đã giao trả tiền). Ông Đinh Văn T đã tự nguyện thỏa thuận, bồi thường cho người liên quan bà Đặng Thị D do con bò của ông Tiến gây thiệt hại về hoa màu với số tiền 45.000 đồng (Bốn mươi lăm nghìn đồng) (đã giao trả tiền). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu đề nghị gì thêm.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự ; khoản 1 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Giao trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Đặng Thị D, 01 con dao nhọn, cả chuôi dài 35.5cm; phần chuôi dao bằng gỗ dài 11.5cm và 01 đèn pin màu đen, loại có dây vải thun đeo đầu (đã được niêm phong).

(Chi tiết theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

4. Về Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn L.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND-B;
- Công an-B;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người liên quan:
- UBND xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS-B;
- THA.Hình sự;
- Lưu hồ sơ - Án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quàng Văn Thủy